

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109020

Mã lớp học phần: MH110902007

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Hồ Hùng Tài - (05031)

Ngày thi: 18/3/2021 Giờ thi: 9:30'

Phòng thi: A1.11

Giám thị 1: Hồ Hùng Tài Ký tên: leat

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010010019	Trần Trọng An	12/04/2002	<u>Tran</u>	2.0	Hai, Không	C22TH1	
2	2010010027	Dur Hoài Bảo	24/09/2002	<u>Dur</u>	4.0	Bốn, Không	C22TH1	
3	2010010030	Văn Tiến Dũng	20/05/2002	<u>Van</u>	6.0	Sáu, Không	C22TH1	
4	2010010020	Huỳnh Văn Đạt	14/01/2000	<u>Huynh</u>	4.0	Bốn, Không	C22TH1	
5	2010010002	Nguyễn Thị Hồng Diệp	15/02/2001	<u>Diep</u>	7.0	Bảy, Không	C22TH1	
6	2010010030	Lê Chí Đức	08/01/2002	<u>Le</u>	4.0	Bốn, Không	C22TH1	
7	2010010015	Phan Nhựt Hào	23/04/2002	<u>Phan</u>	4.0	Bốn, Không	C22TH1	
8	2010010011	Hoàng Thanh Hiền	14/01/2002	<u>Hu</u>	6.0	Sáu, Không	C22TH1	
9	2010010006	Nguyễn Bạch Hóa	28/07/1999	<u>Nguyen</u>	5.5	Năm, năm	C22TH1	
10	2010010008	Dương Hoàng Huy	12/11/2002	<u>Duong</u>	4.0	Bốn, Không	C22TH1	
11	2010010035	Trần Gia Huy	05/04/2002	<u>Tran</u>	7.5	Bảy, năm	C22TH1	
12	2010010026	Nguyễn Trọng Khang	11/02/2001	<u>Khang</u>	6.0	Sáu, không	C22TH1	
13	2010010004	Dương Hồng Khánh	18/12/1997	<u>Duong</u>	5.0	Năm, không	C22TH1	
14	2010010023	Nguyễn Yên Khoa	01/08/2002	<u>Nguyen</u>	6.5	Sáu, năm	C22TH1	
15	2010010037	Nguyễn Lâm	19/11/2002	<u>Nguyen</u>	5.5	Năm, năm	C22TH1	
16	2010010018	Chu Tuấn Linh	02/09/2002	<u>Chu</u>	4.5	Bốn, năm	C22TH1	
17	2010010001	Nguyễn Duy Linh	22/02/2001	<u>Nguyen</u>	5.0	Năm, không	C22TH1	
18	2010010007	Nguyễn Trần Trúc Ly	18/05/2002	<u>Nguyen</u>	7.5	Bảy, năm	C22TH1	
19	2010010021	Nguyễn Văn Mai	07/05/2002	<u>Nguyen</u>	8.0	Tám, không	C22TH1	
20	2010010016	Son Thanh Nguyễn	13/08/2002	<u>Son</u>	6.5	Sáu, Năm	C22TH1	
21	2010010009	Lý Vy Phát	14/10/2001	<u>Ly</u>	7.0	Bảy, Không	C22TH1	
22	2010010024	Cao Trịnh Quang	10/08/2002	<u>Cao</u>	6.0	Sáu, Không	C22TH1	
23	2010010014	Hồ Trần Quy	07/09/2002	<u>Hu</u>	4.5	Bốn, Năm	C22TH1	
24	2010010034	Nguyễn Ngọc Tài	18/07/2002	<u>Nguyen</u>	7.0	Bảy, Không	C22TH1	
25	2010010012	Trần Minh Thiện	14/11/2002				C22TH1	
26	2010010028	Nguyễn Thành Thông	01/05/2002	<u>Nguyen</u>	7.0	Bảy, không	C22TH1	
27	2010010010	Bùi Minh Thuận	04/11/2002	<u>Bui</u>	7.0	Bảy, không	C22TH1	
28	2010010013	Nguyễn Thanh Trí	29/11/2002	<u>Nguyen</u>	8.0	Tám, không	C22TH1	
29	2010010025	Thái Minh Trí	23/03/2002	<u>Thai</u>	7.0	Bảy, không	C22TH1	
30	2010010022	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	03/06/2002	<u>Nguyen</u>	8.5	Tám, năm	C22TH1	
31	2010010033	Phạm Cổ Hoàng Vũ	30/11/2002	<u>Pham</u>	5.5	Năm, năm	C22TH1	
32	2010010017	Son Ngọc Như Ý	13/08/2002	<u>Son</u>	6.0	Sáu, Không	C22TH1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 32 - 1 vắng thi: 1 . Số bài thi: 31 / 32 - 1.

Số sinh viên đạt/không đạt: 31 / 0

Tỷ lệ đạt: 100, 00 %

Ngày 16 tháng 4 năm 2021

 TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



Nguyễn Lê Phương Oan

Ngày 1 tháng 4 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Hồ Hùng Tài

TR

KC

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109020

Mã lớp học phần: MH110902007

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Hồ Hùng Tài - (05031)

Ngày thi: 25/3/2021

Giờ thi: 8:00'

Phòng thi: A1.11

Giám thị 1: Hồ Hùng Tài Ký tên: Lưu

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010010019	Trần Trọng An	12/04/2002	<u>Trần Trọng An</u>	7.5	Bảy, năm	C22TH1	
2	2010010027	Dur Hoài Bảo	24/09/2002	<u>Dur Hoài Bảo</u>	6.0	Sáu, không	C22TH1	
3	2010010031	Văn Tiến Dũng	20/05/2002	<u>Văn Tiến Dũng</u>	8.5	Tám, năm	C22TH1	
4	2010010020	Huỳnh Văn Đạt	14/01/2000	<u>Huỳnh Văn Đạt</u>	8.5	Tám, năm	C22TH1	
5	2010010002	Nguyễn Thị Hồng Diệp	15/02/2001	<u>Nguyễn Thị Hồng Diệp</u>	7.0	Bảy, không	C22TH1	
6	2010010030	Lê Chí Đức	08/01/2002	<u>Lê Chí Đức</u>	5.5	Năm, năm	C22TH1	
7	2010010015	Phan Nhựt Hào	23/04/2002	<u>Phan Nhựt Hào</u>	7.0	Bảy, không	C22TH1	
8	2010010011	Hoàng Thanh Hiền	14/01/2002	<u>Hoàng Thanh Hiền</u>	7.0	Bảy, không	C22TH1	
9	2010010006	Nguyễn Bạch Hóa	28/07/1999	<u>Nguyễn Bạch Hóa</u>	7.5	Bảy, năm	C22TH1	
10	2010010008	Dương Hoàng Huy	12/11/2002	<u>Dương Hoàng Huy</u>	6.0	Sáu, không	C22TH1	
11	2010010035	Trần Gia Huy	05/04/2002	<u>Trần Gia Huy</u>	7.5	Bảy, năm	C22TH1	
12	2010010026	Nguyễn Trọng Khang	11/02/2001	<u>Nguyễn Trọng Khang</u>	8.5	Tám, năm	C22TH1	
13	2010010004	Dương Hồng Khánh	18/12/1997	<u>Dương Hồng Khánh</u>	7.0	Bảy, không	C22TH1	
14	2010010023	Nguyễn Yến Khoa	01/08/2002	<u>Nguyễn Yến Khoa</u>	6.5	Sáu, năm	C22TH1	
15	2010010037	Nguyễn Lâm	19/11/2002	<u>Nguyễn Lâm</u>	8.0	Tám, không	C22TH1	
16	2010010018	Chu Tuấn Linh	02/09/2002	<u>Chu Tuấn Linh</u>	7.0	Bảy, không	C22TH1	
17	2010010001	Nguyễn Duy Linh	22/02/2001	<u>Nguyễn Duy Linh</u>	6.0	Sáu, không	C22TH1	
18	2010010007	Nguyễn Trần Trúc Ly	18/05/2002	<u>Nguyễn Trần Trúc Ly</u>	8.0	Tám, không	C22TH1	
19	2010010021	Nguyễn Văn Mai	07/05/2002	<u>Nguyễn Văn Mai</u>	6.5	Sáu, năm	C22TH1	
20	2010010016	Sơn Thanh Nguyễn	13/08/2002	<u>Sơn Thanh Nguyễn</u>	9.0	Chín, không	C22TH1	
21	2010010009	Lý Vỹ Phát	14/10/2001	<u>Lý Vỹ Phát</u>	8.0	Tám, không	C22TH1	
22	2010010024	Cao Trịnh Quang	10/08/2002	<u>Cao Trịnh Quang</u>	8.0	Tám, không	C22TH1	
23	2010010014	Hồ Trần Quy	07/09/2002	<u>Hồ Trần Quy</u>	8.0	Tám, không	C22TH1	
24	2010010034	Nguyễn Ngọc Tài	18/07/2002	<u>Nguyễn Ngọc Tài</u>	5.5	Năm, năm	C22TH1	
25	2010010012	Trần Minh Thiện	14/11/2002				C22TH1	
26	2010010028	Nguyễn Thành Thông	01/05/2002	<u>Nguyễn Thành Thông</u>	8.0	Tám, không	C22TH1	
27	2010010010	Bùi Minh Thuận	04/11/2002	<u>Bùi Minh Thuận</u>	8.5	Tám, năm	C22TH1	
28	2010010013	Nguyễn Thanh Trí	29/11/2002	<u>Nguyễn Thanh Trí</u>	8.5	Tám, năm	C22TH1	
29	2010010025	Thái Minh Trí	23/03/2002	<u>Thái Minh Trí</u>	7.5	Bảy, năm	C22TH1	
30	2010010022	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	03/06/2002	<u>Nguyễn Thị Thanh Tuyền</u>	8.5	Tám, năm	C22TH1	
31	2010010033	Phạm Cô Hoàng Vũ	30/11/2002	<u>Phạm Cô Hoàng Vũ</u>	8.0	Tám, không	C22TH1	
32	2010010017	Sơn Ngọc Như Ý	13/08/2002	<u>Sơn Ngọc Như Ý</u>	9.0	Chín, không	C22TH1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 32 - 1 vắng thi: 1 . Số bài thi: 31 / 32 - 1 .
Số sinh viên đạt/không đạt: 31 / 0 Tỷ lệ đạt: 100 , %

Ngày: 16 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



Nguyễn Lê Phương Oanh

Ngày: 1 tháng 4 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Hồ Hùng Tài





BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109020

Giám thị 1: Hồ Hùng Tài Ký tên: leue

Mã lớp học phần: MH110902007

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Hồ Hùng Tài - (05031)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 18/3/2021 Giờ thi: 9:30' Phòng thi: A1.11

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010010050	Phan Quốc Bảo	20/07/2002	<u>Bảo</u>	<u>8.5</u>	<u>Tám, Năm</u>	C22TH2	
2	2010010041	Huỳnh Thiên Bá	02/09/2002	<u>Bá</u>	<u>8.0</u>	<u>Tám, không</u>	C22TH2	
3	2010010060	Châu Văn Bình	03/09/2002	<u>Bình</u>	<u>3.5</u>	<u>Ba, Năm</u>	C22TH2	
4	2010010058	Phạm Hữu Cường	05/11/2002				C22TH2	
5	2010010044	Nguyễn Thùy Dương	22/07/2002	<u>UD</u>	<u>5.0</u>	<u>Năm, không</u>	C22TH2	
6	2010010065	Nguyễn Ngọc Trúc Đào	21/07/2002	<u>Đào</u>	<u>6.5</u>	<u>Sáu, năm</u>	C22TH2	
7	2010010061	Nguyễn Tấn Hào	22/06/2002	<u>Hào</u>	<u>6.5</u>	<u>Sáu, năm</u>	C22TH2	
8	2010010055	Trần Huỳnh Minh Hoài	26/03/2002	<u>Hoài</u>	<u>4.5</u>	<u>Bốn, năm</u>	C22TH2	
9	2010010032	Tạ Quốc Hùng	05/02/2002	<u>Hùng</u>	<u>4.0</u>	<u>Bốn, không</u>	C22TH2	
10	2010010057	Lê Quốc Khánh	20/03/2002	<u>Khánh</u>	<u>6.0</u>	<u>Sáu, không</u>	C22TH2	
11	2010010064	Nguyễn Hữu Ngọc Long	16/03/2001	<u>Long</u>	<u>5.5</u>	<u>Năm, Năm</u>	C22TH2	
12	2010010049	Dương Trung Nghĩa	20/11/2002	<u>Nghĩa</u>	<u>4.5</u>	<u>Bốn, Năm</u>	C22TH2	
13	2010010056	Nguyễn Phước Nghĩa	16/04/2002	<u>Nghĩa</u>	<u>5.0</u>	<u>Năm, không</u>	C22TH2	
14	2010010063	Trương Quốc Pháp	07/06/2002	<u>Pháp</u>	<u>4.0</u>	<u>Bốn, không</u>	C22TH2	
15	2010010093	Đinh Nhật Phi	22/04/2001	<u>Phi</u>	<u>4.0</u>	<u>Bốn, không</u>	C22TH2	
16	2010010051	Trương Văn Phương	3/1/1999	<u>Phương</u>	<u>8.0</u>	<u>Tám, không</u>	C22TH2	
17	2010010039	Trần Minh Quốc	24/11/2002	<u>Quốc</u>	<u>7.5</u>	<u>Bảy, năm</u>	C22TH2	
18	2010010067	Nguyễn Ngọc Sơn	25/02/2000	<u>Sơn</u>	<u>4.5</u>	<u>Bốn, Năm</u>	C22TH2	
19	2010010046	Nguyễn Tấn Tài	03/08/2002	<u>Tài</u>	<u>7.5</u>	<u>Bảy, Năm</u>	C22TH2	
20	2010010047	Lê Châu Tân	23/03/2002	<u>Tân</u>	<u>8.5</u>	<u>Tám, năm</u>	C22TH2	
21	2010010054	Lưu Như Thái	27/12/2002	<u>Thái</u>	<u>6.0</u>	<u>Sáu, không</u>	C22TH2	
22	2010010062	Huỳnh Thị Vân Thắm	03/12/2002	<u>Thắm</u>	<u>7.0</u>	<u>Bảy, không</u>	C22TH2	
23	2010010038	Ngô Minh Trung	16/04/2002	<u>Trung</u>	<u>8.0</u>	<u>Tám, không</u>	C22TH2	
24	2010010070	Nguyễn Hoàng Nhật Tuấn	15/04/2002	<u>Tuấn</u>	<u>6.5</u>	<u>Sáu, năm</u>	C22TH2	
25	2010010052	Nguyễn Lê Thế Vinh	03/06/2002	<u>Vinh</u>	<u>5.5</u>	<u>Năm, năm</u>	C22TH2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 25 - 1 vắng thi: 1. Số bài thi: 24 / 25 - 1.Số sinh viên đạt/không đạt: 24 / 0 Tỷ lệ đạt: 100, %Ngày 16 tháng 4 năm 2021

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Lê Phương Oan

Ngày 1 tháng 4 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Hồ Hùng Tài



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109020

Giám thị 1: Hồ Hùng Tài Ký tên: lue

Mã lớp học phần: MH110902007

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Hồ Hùng Tài - (05031)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 25/3/2021 Giờ thi: 8:00' Phòng thi: A1.11

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010010050	Phan Quốc Bảo	20/07/2002	<u>Bao</u>	9.0	Chín, không	C22TH2	
2	2010010041	Huỳnh Thiên Bá	02/09/2002	<u>Ba</u>	8.0	Tám, không	C22TH2	
3	2010010060	Châu Văn Bình	03/09/2002	<u>Binh</u>	8.5	Tám, năm	C22TH2	
4	2010010058	Phạm Hữu Cường	05/11/2002				C22TH2	
5	2010010044	Nguyễn Thùy Dương	22/07/2002	<u>Duong</u>	7.0	Bảy, không	C22TH2	
6	2010010065	Nguyễn Ngọc Trúc Đào	21/07/2002	<u>Dao</u>	8.0	Tám, không	C22TH2	
7	2010010061	Nguyễn Tấn Hào	22/06/2002	<u>Hao</u>	6.5	Sáu, năm	C22TH2	
8	2010010055	Trần Huỳnh Minh Hoài	26/03/2002	<u>Hoai</u>	8.0	Tám, không	C22TH2	
9	2010010032	Tạ Quốc Hùng	05/02/2002	<u>Hung</u>	8.0	Tám, không	C22TH2	
10	2010010057	Lê Quốc Khánh	20/03/2002	<u>Kh</u>	8.5	Tám, năm	C22TH2	
11	2010010064	Nguyễn Hữu Ngọc Long	16/03/2001	<u>Long</u>	7.0	Bảy, không	C22TH2	
12	2010010049	Dương Trung Nghĩa	20/11/2002	<u>Nghia</u>	8.0	Tám, không	C22TH2	
13	2010010056	Nguyễn Phước Nghĩa	16/04/2002	<u>Nghia</u>	7.5	Bảy, năm	C22TH2	
14	2010010063	Trương Quốc Pháp	07/06/2002	<u>Phap</u>	5.5	Năm, năm	C22TH2	
15	2010010093	Đinh Nhật Phi	22/04/2001	<u>Phi</u>	6.5	Sáu, năm	C22TH2	
16	2010010051	Trương Văn Phương	3/1/1999	<u>Phuong</u>	7.0	Bảy, không	C22TH2	
17	2010010039	Trần Minh Quốc	24/11/2002	<u>Quoc</u>	7.0	Bảy, không	C22TH2	
18	2010010067	Nguyễn Ngọc Sơn	25/02/2000	<u>Son</u>	7.0	Bảy, không	C22TH2	
19	2010010046	Nguyễn Tấn Tài	03/08/2002	<u>Tai</u>	8.5	Tám, năm	C22TH2	
20	2010010047	Lê Châu Tân	23/03/2002	<u>Tan</u>	8.0	Tám, không	C22TH2	
21	2010010054	Lưu Như Thái	27/12/2002	<u>Thai</u>	7.5	Bảy, năm	C22TH2	
22	2010010062	Huỳnh Thị Vân Thắm	03/12/2002	<u>Tham</u>	8.5	Tám, năm	C22TH2	
23	2010010038	Ngô Minh Trung	16/04/2002	<u>Trung</u>	8.0	Tám, không	C22TH2	
24	2010010070	Nguyễn Hoàng Nhựt Tuấn	15/04/2002	<u>Tuan</u>	8.0	Tám, không	C22TH2	
25	2010010052	Nguyễn Lê Thế Vinh	03/06/2002	<u>Vinh</u>	7.5	Bảy, năm	C22TH2	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 25 - 1 vắng thi: 1. Số bài thi: 24 / 25 - 1.Số sinh viên đạt/không đạt: 24 / 0Tỷ lệ đạt: 100, %Ngày 16 tháng 4 năm 2021

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Lê Phương Vinh

Ngày 1 tháng 4 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Hồ Hùng Tài



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109020

Giám thị 1: Hồ Hùng Tài Ký tên: leul

Mã lớp học phần: MH110902007

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Hồ Hùng Tài - (05031)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 18/3/2021 Giờ thi: 9:30 Phòng thi: A1.11

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010010068	Lưu Đình An	02/05/2001	An	7.0	Bảy, không	C22TH3	
2	2010010074	Lê Thanh Bình	17/11/1999	Bình	4.0	Bốn, không	C22TH3	
3	2010100030	Đặng Hoàng Dự	19/04/2002	Dự	4.0	Bốn, không	C22TH3	
4	2010010069	Mai Thị Thu Hà	07/10/2002	Hà	6.5	Sáu, năm	C22TH3	
5	2010010089	Bùi Viết Hải	25/04/2002	Hải	7.5	Bảy, năm	C22TH3	
6	2010010086	Phạm Đình Hậu	02/12/2002	Hậu	4.0	Bốn, không	C22TH3	
7	2010010078	Lâm Trọng Hiếu	02/05/2002	Hiếu	7.5	Bảy, năm	C22TH3	
8	2010010088	Trần Gia Huy	11/08/2002	Huy	8.5	Tám, năm	C22TH3	
9	2010010075	Nguyễn Hoàng Khang	30/04/2001	Khang	4.0	Bốn, không	C22TH3	
10	2010010073	Nguyễn Thảo My	24/11/2001	My	8.0	Tám, không	C22TH3	
11	2010010090	Hoàng Đức Nghĩa	01/05/2002	Nghĩa	6.0	Sáu, không	C22TH3	
12	2010010077	Nguyễn Trương Hoài Phong	01/03/2001	Phong	7.0	Bảy, không	C22TH3	
13	2010010087	Nguyễn Thanh Tâm	20/04/2002	Tâm	9.0	Chín, không	C22TH3	
14	2010010083	Nguyễn Văn Tất	18/12/2002	Tất	4.0	Bốn, không	C22TH3	
15	2010010084	Lê Phúc Thành	03/08/2002	Thành	7.0	Bảy, không	C22TH3	
16	2010010080	Lê Phú Thịnh	13/10/2001	Thịnh	5.5	Năm, năm	C22TH3	
17	2010010079	Hà Anh Thư	13/11/2002	Thư	7.0	Bảy, không	C22TH3	
18	2010010091	Nguyễn Hữu Trí	25/10/2002	Trí	8.0	Tám, không	C22TH3	
19	2010030025	Hồ Lê Anh Tuấn	29/09/2001	Tuấn	4.0	Bốn, không	C22TH3	
20	2010120003	Phạm Thị Thúy Vi	21/11/2002	Vi	7.0	Bảy, không	C22TH3	
21	2010100028	Nguyễn Tuấn Vũ	24/02/2002	Vũ	5.5	Năm, năm	C22TH3	
22	2010010081	Đinh Ngọc Yến	12/09/2002	Yến	5.5	Năm, năm	C22TH3	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 22 vắng thi: 0 . Số bài thi: 22 / 22 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 22 / 0 Tỷ lệ đạt: 100, 0 %

Ngày: 16 tháng 4 năm 2021

2 TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Lê Phương Oanh

Ngày: 1 tháng 4 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

leul

Hồ Hùng Tài



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109020

Giám thị 1: Hồ Hùng Tài Ký tên: [Signature]

Mã lớp học phần: MH110902007

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Hồ Hùng Tài - (05031)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: 25/3/2021 Giờ thi: 8:00'Phòng thi: A1.11

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010010068	Lưu Đình An	02/05/2001	<u>An</u>	8.0	Tám, không	C22TH3	
2	2010010074	Lê Thanh Bình	17/11/1999	<u>Bình</u>	8.5	Tám, năm	C22TH3	
3	2010100030	Đặng Hoàng Dự	19/04/2002	<u>Dự</u>	5.5	Năm, năm	C22TH3	
4	2010010069	Mai Thị Thu Hà	07/10/2002	<u>Hà</u>	5.0	Năm, không	C22TH3	
5	2010010089	Bùi Viết Hải	25/04/2002	<u>Hải</u>	8.0	Tám, không	C22TH3	
6	2010010086	Phạm Đình Hậu	02/12/2002	<u>Hậu</u>	6.0	Sáu, không	C22TH3	
7	2010010078	Lâm Trọng Hiếu	02/05/2002	<u>Hiếu</u>	8.5	Tám, năm	C22TH3	
8	2010010088	Trần Gia Huy	11/08/2002	<u>Huy</u>	9.0	Chín, không	C22TH3	
9	2010010075	Nguyễn Hoàng Khang	30/04/2001	<u>Khang</u>	6.0	Sáu, không	C22TH3	
10	2010010073	Nguyễn Thảo My	24/11/2001	<u>My</u>	8.5	Tám, năm	C22TH3	
11	2010010090	Hoàng Đức Nghĩa	01/05/2002	<u>Nghĩa</u>	8.0	Tám, không	C22TH3	
12	2010010077	Nguyễn Trương Hoài Phong	01/03/2001	<u>Phong</u>	7.0	Bảy, không	C22TH3	
13	2010010087	Nguyễn Thanh Tâm	20/04/2002	<u>Tâm</u>	9.0	Chín, không	C22TH3	
14	2010010083	Nguyễn Văn Tất	18/12/2002	<u>Tất</u>	6.0	Sáu, không	C22TH3	
15	2010010084	Lê Phúc Thành	03/08/2002	<u>Thành</u>	4.5	Bốn, năm	C22TH3	
16	2010010080	Lê Phú Thịnh	13/10/2001	<u>Thịnh</u>	7.0	Bảy, không	C22TH3	
17	2010010079	Hà Anh Thư	13/11/2002	<u>Thư</u>	5.5	Năm, năm	C22TH3	
18	2010010091	Nguyễn Hữu Trí	25/10/2002	<u>Trí</u>	8.0	Tám, không	C22TH3	
19	2010030025	Hồ Lê Anh Tuấn	29/09/2001	<u>Tuấn</u>	7.0	Bảy, không	C22TH3	
20	2010120003	Phạm Thị Thúy Vi	21/11/2002	<u>Vi</u>	8.5	Tám, năm	C22TH3	
21	2010100028	Nguyễn Tuấn Vũ	24/02/2002	<u>Vũ</u>	9.0	Chín, không	C22TH3	
22	2010010081	Đinh Ngọc Yến	12/09/2002	<u>Yến</u>	7.0	Bảy, không	C22TH3	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 22 vắng thi: 0 Số bài thi: 22 / 22Số sinh viên đạt/không đạt: 22 / 0 Tỷ lệ đạt: 100 %Ngày 16 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Lê Phương Anh

Ngày 1 tháng 4 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Hồ Hùng Tài



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109020

Mã lớp học phần: MH110902007

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Hồ Hùng Tài

Ngày thi: 14/04/2021

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: PM 3

Giám thị 1: Ng. V. Trinh

Ký tên: Trinh

Giám thị 2: Bao T. Danh

Ký tên: Danh

Giám thị 3: Trig T. N. Thu

Ký tên: Thu

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010010068	Lưu Đình An	02/05/2001	<u>An</u>		7.8	bảy, tám	C22TH3	
2	2010010019	Trần Trọng An	12/04/2002	<u>An</u>		7.2	bảy, hai	C22TH1	
3	2010010027	Dư Hoài Bảo	24/09/2002	<u>Bao</u>		7.6	bảy, sáu	C22TH1	
4	2010010050	Phan Quốc Bảo	20/07/2002	<u>Bao</u>		8.0	tám, không	C22TH2	
5	2010010041	Huỳnh Thiên Bá	02/09/2002	<u>Ba</u>		7.4	bảy, bốn	C22TH2	
6	2010010060	Châu Văn Bình	03/09/2002	<u>Binh</u>		8.0	tám, không	C22TH2	
7	2010010074	Lê Thanh Bình	17/11/1999	<u>Binh</u>		8.0	tám, không	C22TH3	
8	2010010031	Văn Tiến Dũng	20/05/2002	<u>Dung</u>		8.2	tám, hai	C22TH1	
9	2010010044	Nguyễn Thùy Dương	22/07/2002	<u>Duong</u>		8.0	tám, không	C22TH2	
10	2010100030	Đặng Hoàng Dự	19/04/2002	<u>Du</u>		8.4	tám, bốn	C22TH3	
11	2010010065	Nguyễn Ngọc Trúc Đào	21/07/2002	<u>Dao</u>		7.6	bảy, sáu	C22TH2	
12	2010010020	Huỳnh Văn Đạt	14/01/2002	<u>Dat</u>		7.6	bảy, sáu	C22TH1	
13	2010010002	Nguyễn Thị Hồng Điệp	15/02/2001	<u>Diep</u>		9.0	chín, không	C22TH1	
14	2010010030	Lê Chí Đức	08/01/2002	<u>Duc</u>		8.0	tám, không	C22TH1	
15	2010010069	Mai Thị Thu Hà	07/10/2002	<u>Hu</u>		7.8	bảy, tám	C22TH3	
16	2010010061	Nguyễn Tấn Hào	22/06/2002	<u>Hao</u>		7.8	bảy, tám	C22TH2	
17	2010010015	Phan Nhựt Hào	23/04/2002	<u>Hao</u>		8.6	tám, sáu	C22TH1	
18	2010010089	Bùi Viết Hải	25/04/2002	<u>Hai</u>		7.4	bảy, bốn	C22TH3	
19	2010010086	Phạm Đình Hậu	02/12/2002	<u>Hau</u>		5.4	năm, bốn	C22TH3	
20	2010010011	Hoàng Thanh Hiền	14/01/2002	<u>Hien</u>		8.4	tám, bốn	C22TH1	
21	2010010078	Lâm Trọng Hiếu	02/05/2002	<u>Hieu</u>		7.8	bảy, tám	C22TH3	
22	2010010055	Trần Huỳnh Minh Hoài	26/03/2002	<u>Hoi</u>		8.4	tám, bốn	C22TH2	
23	2010010006	Nguyễn Bạch Hóa	28/07/1999	<u>Hoa</u>		7.0	bảy, không	C22TH1	
24	2010010008	Dương Hoàng Huy	12/11/2002	<u>Huy</u>		6.8	sáu, tám	C22TH1	
25	2010010035	Trần Gia Huy	05/04/2002	<u>Huy</u>		8.2	tám, hai	C22TH1	
26	2010010088	Trần Gia Huy	11/08/2002	<u>Huy</u>		8.2	tám, hai	C22TH3	
27	2010010032	Tạ Quốc Hùng	05/02/2002	<u>Hung</u>		7.8	bảy, tám	C22TH2	
28	2010010075	Nguyễn Hoàng Khang	30/04/2001	<u>Khang</u>		7.6	bảy, sáu	C22TH3	
29	2010010026	Nguyễn Trọng Khang	11/02/2001	<u>Khang</u>		8.6	tám, sáu	C22TH1	
30	2010010004	Dương Hồng Khánh	18/12/1997	<u>Khanh</u>		—	—	C22TH1	
31	2010010057	Lê Quốc Khánh	20/03/2002	<u>Ky</u>		7.6	bảy, sáu	C22TH2	
32	2010010023	Nguyễn Yến Khoa	01/08/2002	<u>Khoa</u>		6.4	sáu, bốn	C22TH1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2010010037	Nguyễn Lâm	19/11/2002			8.2	tám, hai	C22TH1	
34	2010010018	Chu Tuấn Linh	02/09/2002			8.0	tám, không	C22TH1	
35	2010010001	Nguyễn Duy Linh	22/02/2001			8.2	tám, hai	C22TH1	
36	2010010064	Nguyễn Hữu Ngọc Long	16/03/2001			6.8	sáu, tám	C22TH2	
37	2010010007	Nguyễn Trần Trúc Ly	18/05/2002			7.8	bảy, tám	C22TH1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 36 vắng thi: 1. Số bài thi/Số tờ: 36 / .

Số sinh viên đạt: 36 Tỷ lệ đạt: 100%

Ngày 20 tháng 4 năm 2021

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



Nguyễn Lê Phương Oanh

Ngày 19 tháng 4 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Hồ Hùng Tài

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 2 - Năm học 2020-2021

Môn học: Tiếng Anh 2

Mã bài thi: J5XO1K

Thời gian thi: 14/04/2021 07:45:00

Thời gian kết thúc: 15/04/2021 08:45:00

Giám thị 1: NV Tinh Ký tên: NV

Giám thị 2: CT Khanh Ký tên: CT

Giám thị 3: TT N Thu Ký tên: TT

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010010019	Trần Trọng An	12/04/2002	<u>A</u>	7.2	Bảy, hai	C22TH1	
2	2010010068	Lưu Đình An	02/05/2001	<u>An</u>	7.8	Bảy, tám	C22TH2	
3	2010010041	Huỳnh Thiên Bá	02/09/2002	<u>Bá</u>	7.4	Bảy, bốn	C22TH2	
4	2010010027	Dư Hoài Bảo	24/09/2002	<u>Bao</u>	7.6	Bảy, sáu	C22TH1	
5	2010010050	Phan Quốc Bảo	20/07/2002	<u>Bao</u>	8	Tám	C22TH2	
6	2010010060	Châu Văn Bình	03/09/2002	<u>Binh</u>	8	Tám	C22TH2	
7	2010010074	Lê Thanh Bình	17/11/1999	<u>Binh</u>	8	Tám	C22TH2	
8	2010010065	Nguyễn Ngọc Trúc Đào	21/07/2002	<u>Dao</u>	7.6	Bảy, sáu	C22TH2	
9	2010010020	Huỳnh Văn Đạt	14/01/2002	<u>Dat</u>	7.6	Bảy, sáu	C22TH1	
10	2010010002	Nguyễn Thị Hồng Diệp	15/02/2001	<u>Diệp</u>	9	Chín	C22TH1	
11	2010100030	Đặng Hoàng Dự	19/04/2002	<u>Du</u>	8.4	Tám, bốn	C22QT1	
12	2010010030	Lê Chí Đức	08/01/2002	<u>Duc</u>	8	Tám	C22TH1	
13	2010010031	Văn Tiến Dũng	20/05/2002	<u>Dung</u>	8.2	Tám, hai	C22TH1	
14	2010010044	Nguyễn Thùy Dương	22/07/2002	<u>Duong</u>	8	Tám	C22TH2	
15	2010010069	Mai Thị Thu Hà	07/10/2002	<u>Hà</u>	7.8	Bảy, tám	C22TH2	
16	2010010089	Bùi Việt Hải	25/04/2002	<u>Hai</u>	7.4	Bảy, bốn	C22TH3	
17	2010010061	Nguyễn Tấn Hào	22/06/2002	<u>Hao</u>	7.8	Bảy, tám	C22TH2	
18	2010010015	Phan Nhật Hào	23/04/2002	<u>Hao</u>	8.6	Tám, sáu	C22TH1	
19	2010010086	Phạm Đình Hậu	02/12/2002	<u>Hau</u>	5.4	Năm, bốn	C22TH3	
20	2010010011	Hoàng Thanh Hiền	14/01/2002	<u>Hien</u>	8.4	Tám, bốn	C22TH1	
21	2010010078	Lâm Trọng Hiếu	02/05/2002	<u>Hieu</u>	7.8	Bảy, tám	C22TH2	
22	2010010006	Nguyễn Bạch Hóa	28/07/1999	<u>Hoa</u>	7	Bảy	C22TH1	
23	2010010055	Trần Huỳnh Minh Hoài	26/03/2002	<u>Hoai</u>	8.4	Tám, bốn	C22TH2	
24	2010010032	Tạ Quốc Hùng	05/02/2002	<u>Hung</u>	7.8	Bảy, tám	C22TH3	
25	2010010035	Trần Gia Huy	05/04/2002	<u>Huy</u>	8.2	Tám, hai	C22TH1	
26	2010010008	Dương Hoàng Huy	12/11/2002	<u>Huy</u>	6.8	Sáu, tám	C22TH1	
27	2010010088	Trần Gia Huy	11/08/2002	<u>Huy</u>	8.2	Tám, hai	C22TH3	
28	2010010075	Nguyễn Hoàng Khang	30/04/2001	<u>Khang</u>	7.6	Bảy, sáu	C22TH3	
29	2010010026	Nguyễn Trọng Khang	11/02/2001	<u>Khang</u>	8.6	Tám, sáu	C22TH1	
30	2010010057	Lê Quốc Khánh	20/03/2002	<u>Khánh</u>	7.6	Bảy, sáu	C22TH2	
31	2010010023	Nguyễn Yến Khoa	01/08/2002	<u>Khoa</u>	6.4	Sáu, bốn	C22TH1	
32	2010010037	Nguyễn Lâm	19/11/2002	<u>Lam</u>	8.2	Tám, hai	C22TH1	
33	2010010018	Chu Tuấn Linh	02/09/2002	<u>Linh</u>	8	Tám	C22TH1	
34	2010010001	Nguyễn Duy Linh	22/02/2001	<u>Linh</u>	8.2	Tám, hai	C22TH1	
35	2010010064	Nguyễn Hữu Ngọc Long	16/03/2001	<u>Long</u>	6.8	Sáu, tám	C22TH2	
36	2010010007	Nguyễn Trần Trúc Ly	18/05/2002	<u>Ly</u>	7.8	Bảy, tám	C22TH1	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 36

Số sinh viên đạt: 36

Ngày 20 tháng 4 năm 2021
TRƯỞNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)



Nguyễn Lê Phương Anh

Ngày 19 tháng 4 năm 2021
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)



Hồ Hùng Tài



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109020

Mã lớp học phần: MH110902007

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Hồ Hùng Tài

Ngày thi: 14/04/2021

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: PM 1

Giám thị 1: P. V. Dũng

Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: T. V. Long

Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Phi	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010010093	Đinh Nhật	Phi	22/04/2001	<u>[Signature]</u>		6.2	sáu, hai	C22TH2	
2	2010010077	Nguyễn Trương Hoài	Phong	01/03/2001	<u>[Signature]</u>		8.2	tám, hai	C22TH3	
3	2010010051	Trương Văn	Phương	3/1/1999	<u>[Signature]</u>		7.6	bảy, sáu	C22TH2	
4	2010010024	Cao Trình	Quang	10/08/2002	<u>[Signature]</u>		8.4	tám, bốn	C22TH1	
5	2010010039	Trần Minh	Quốc	24/11/2002	<u>[Signature]</u>		8.8	tám, tám	C22TH2	
6	2010010014	Hồ Văn	Quy	07/09/2002	<u>[Signature]</u>		6.8	sáu, tám	C22TH1	
7	2010010067	Nguyễn Ngọc	Sơn	25/02/2000	<u>[Signature]</u>		5.6	năm, sáu	C22TH2	
8	2010010034	Nguyễn Ngọc	Tài	18/07/2002	<u>[Signature]</u>		8.4	tám, bốn	C22TH1	
9	2010010046	Nguyễn Tấn	Tài	03/08/2002	<u>[Signature]</u>		8.0	tám, không	C22TH2	
10	2010010087	Nguyễn Thanh	Tâm	20/04/2002	<u>[Signature]</u>		9.0	chín, không	C22TH3	
11	2010010047	Lê Châu	Tân	23/03/2002	<u>[Signature]</u>		8.4	tám, bốn	C22TH2	
12	2010010083	Nguyễn Văn	Tất	18/12/2002	<u>[Signature]</u>		5.2	năm, hai	C22TH3	
13	2010010084	Lê Phúc	Thành	03/08/2002	<u>[Signature]</u>		8.0	tám, không	C22TH3	
14	2010010054	Lưu Như	Thái	27/12/2002	<u>[Signature]</u>		7.4	bảy, bốn	C22TH2	
15	2010010062	Huỳnh Thị Vân	Thắm	03/12/2002	<u>[Signature]</u>		8.2	tám, hai	C22TH2	
16	2010010080	Lê Phú	Thịnh	13/10/2001	<u>[Signature]</u>		5.2	năm, hai	C22TH3	
17	2010010028	Nguyễn Thành	Thông	01/05/2002	<u>[Signature]</u>		8.4	tám, bốn	C22TH1	
18	2010010010	Bùi Minh	Thuận	04/11/2002	<u>[Signature]</u>		8.2	tám, hai	C22TH1	
19	2010010079	Hà Anh	Thư	13/11/2002	<u>[Signature]</u>		5.6	năm, sáu	C22TH3	
20	2010010091	Nguyễn Hữu	Trí	25/10/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH3	
21	2010010013	Nguyễn Thanh	Trí	29/11/2002	<u>[Signature]</u>		7.2	bảy, hai	C22TH1	
22	2010010025	Thái Minh	Trí	23/03/2002	<u>[Signature]</u>		8.4	tám, bốn	C22TH1	
23	2010010038	Ngô Minh	Trung	16/04/2002	<u>[Signature]</u>		9.2	chín, hai	C22TH2	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 22 vắng thi: 1 Số bài thi/Số tờ: 22

Số sinh viên đạt: 22 Tỷ lệ đạt: 100 %

Ngày 20 tháng 4 năm 2021

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)



Nguyễn Lê Phương Oanh

Ngày 19 tháng 4 năm 2021

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Hồ Hùng Tài

TRƯC

KH

BAN QUẢN LÝ CÁC KCCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 2 - Năm học 2020-2021

Môn học: Tiếng Anh 2

Mã bài thi: Y9Q8CH

Thời gian thi: 14/04/2021 07:45:00

Thời gian kết thúc: 15/04/2021 08:45:00

Giám thị 1: Phạm Văn Dũng Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Trần Văn Long Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010010093	Đinh Nhật Phi	22/04/2001	<u>[Signature]</u>	6.2	Sáu, hai	C22TH3	
2	2010010077	Nguyễn Trương Hoài Phong	01/03/2001	<u>[Signature]</u>	8.2	Tám, hai	C22TH3	
3	2010010051	Trương Văn Phương	03/01/1999	<u>[Signature]</u>	7.6	Bảy, sáu	C22TH2	
4	2010010024	Cao Trịnh Quang	10/08/2002	<u>[Signature]</u>	8.4	Tám, bốn	C22TH1	
5	2010010039	Trần Minh Quốc	24/11/2002	<u>[Signature]</u>	8.8	Tám, tám	C22TH2	
6	2010010014	Hồ Trần Quy	07/09/2002	<u>[Signature]</u>	6.8	Sáu, tám	C22TH1	
7	2010010067	Nguyễn Ngọc Sơn	25/02/2000	<u>[Signature]</u>	5.6	Năm, sáu	C22TH2	
8	2010010046	Nguyễn Tấn Tài	03/08/2002	<u>[Signature]</u>	8	Tám	C22TH2	
9	2010010034	Nguyễn Ngọc Tài	18/07/2002	<u>[Signature]</u>	8.4	Tám, bốn	C22TH1	
10	2010010087	Nguyễn Thanh Tâm	20/04/2002	<u>[Signature]</u>	9	Chín	C22TH3	
11	2010010047	Lê Châu Tân	23/03/2002	<u>[Signature]</u>	8.4	Tám, bốn	C22TH2	
12	2010010083	Nguyễn Văn Tấn	18/12/2002	<u>[Signature]</u>	5.2	Năm, hai	C22TH3	
13	2010010054	Lưu Như Thái	27/12/2002	<u>[Signature]</u>	7.4	Bảy, bốn	C22TH2	
14	2010010062	Huỳnh Thị Vân Thắm	03/12/2002	<u>[Signature]</u>	8.2	Tám, hai	C22TH2	
15	2010010084	Lê Phúc Thành	03/08/2002	<u>[Signature]</u>	8	Tám	C22TH3	
16	2010010080	Lê Phú Thịnh	13/10/2001	<u>[Signature]</u>	5.2	Năm, hai	C22TH3	
17	2010010028	Nguyễn Thành Thông	01/05/2002	<u>[Signature]</u>	8.4	Tám, bốn	C22TH1	
18	2010010079	Hà Anh Thư	13/11/2002	<u>[Signature]</u>	5.6	Năm, sáu	C22TH3	
19	2010010010	Bùi Minh Thuận	04/11/2002	<u>[Signature]</u>	8.2	Tám, hai	C22TH1	
20	2010010013	Nguyễn Thanh Trí	29/11/2002	<u>[Signature]</u>	7.2	Bảy, hai	C22TH1	
21	2010010025	Thái Minh Trí	23/03/2002	<u>[Signature]</u>	8.4	Tám, bốn	C22TH1	
22	2010010038	Ngô Minh Trung	16/04/2002	<u>[Signature]</u>	9.2	Chín, hai	C22TH2	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 22

Số sinh viên đạt: 22

Ngày 20 tháng 4 năm 2021

P TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

Nguyễn Lê Phương Anh

Ngày 19 tháng 4 năm 2021

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

Hồ Hùng Tài



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

học kỳ 2 - Năm học : 2020-2021

Môn học : Tiếng Anh 2 - MH1109020

Mã lớp học phần: MH110902007

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Hồ Hùng Tài

Ngày thi: 14/04/2021

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: PM 2

Giám thị 1: N. T. N. Hoa Ký tên: [Signature]Giám thị 2: Hồ Hùng Tài Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010010021	Nguyễn Văn Mai	07/05/2002	<u>[Signature]</u>		8.2	tám, hai	C22TH1	
2	2010010073	Nguyễn Thảo My	24/11/2001	<u>[Signature]</u>		7.2	bảy, hai	C22TH3	
3	2010010049	Dương Trung Nghĩa	20/11/2002	<u>[Signature]</u>		8.4	tám, bốn	C22TH2	
4	2010010090	Hoàng Đức Nghĩa	01/05/2002	<u>[Signature]</u>		7.4	bảy, bốn	C22TH3	
5	2010010056	Nguyễn Phước Nghĩa	16/04/2002	<u>[Signature]</u>		6.2	sáu, hai	C22TH2	
6	2010010016	Sơn Thanh Nguyễn	13/08/2002	<u>[Signature]</u>		6.6	sáu, sáu	C22TH1	
7	2010010063	Trương Quốc Pháp	07/06/2002	<u>[Signature]</u>		4.8	bốn, tám	C22TH2	
8	2010010009	Lý Vũ Phát	14/10/2001	<u>[Signature]</u>		8.2	tám, hai	C22TH1	
9	2010030025	Hồ Lê Anh Tuấn	29/09/2001	<u>[Signature]</u>		7.0	bảy, không	C22TH3	
10	2010010070	Nguyễn Hoàng Nhựt Tuấn	15/04/2002	<u>[Signature]</u>		8.6	tám, sáu	C22TH2	
11	2010010022	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	03/06/2002	<u>[Signature]</u>		9.2	chín, hai	C22TH1	
12	2010120003	Phạm Thị Thúy Vi	21/11/2002	<u>[Signature]</u>		8.2	tám, hai	C22TH3	
13	2010010052	Nguyễn Lê Thế Vinh	03/06/2002	<u>[Signature]</u>		7.0	bảy, không	C22TH2	
14	2010010033	Phạm Cổ Hoàng Vũ	30/11/2002	<u>[Signature]</u>		7.0	bảy, không	C22TH1	
15	2010100028	Nguyễn Tuấn Vũ	24/02/2002	<u>[Signature]</u>		8.4	tám, bốn	C22TH3	
16	2010010081	Đinh Ngọc Yến	12/09/2002	<u>[Signature]</u>				C22TH3	XT
17	2010010017	Sơn Ngọc Như Ý	13/08/2002	<u>[Signature]</u>		6.8	sáu, tám	C22TH1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 16 vắng thi: 1 Số bài thi/Số tờ: 16Số sinh viên đạt: 16 Tỷ lệ đạt: 100 %Ngày 20 tháng 4 năm 2021TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Lê Phương Oanh

Ngày 19 tháng 4 năm 2021GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)[Signature]
Hồ Hùng Tài

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 2 - Năm học 2020-2021

Môn học: Tiếng Anh 2

Mã bài thi: VAQ47S

Thời gian thi: 14/04/2021 07:45:00

Thời gian kết thúc: 15/04/2021 08:45:00

Giám thị 1: NT N Hoa Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: H.T.T Minh Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2010010021	Nguyễn Văn Mai	07/05/2002	<u>Mai</u>	8.2	Tám, hai	C22TH1	
2	2010010073	Nguyễn Thảo My	24/11/2001	<u>My</u>	7.2	Bảy, hai	C22TH2	
3	2010010090	Hoàng Đức Nghĩa	01/05/2002	<u>Nghĩa</u>	7.4	Bảy, bốn	C22TH3	
4	2010010049	Dương Trung Nghĩa	20/11/2002	<u>Nghĩa</u>	8.4	Tám, bốn	C22TH2	
5	2010010056	Nguyễn Phước Nghĩa	16/04/2002	<u>Nghĩa</u>	6.2	Sáu, hai	C22TH2	
6	2010010016	Son Thanh Nguyễn	13/08/2002	<u>Nguyễn</u>	6.6	Sáu, sáu	C22TH1	
7	2010010063	Trương Quốc Pháp	07/06/2002	<u>Pháp</u>	4.8	Bốn, tám	C22TH2	
8	2010010009	Lý Văn Phát	14/10/2001	<u>Phát</u>	8.2	Tám, hai	C22TH1	
9	2010030025	Hồ Lê Anh Tuấn	29/09/2001	<u>Tuấn</u>	7	Bảy	C22DDT	
10	2010010070	Nguyễn Hoàng Nhật Tuấn	15/04/2002	<u>Tuấn</u>	8.6	Tám, sáu	C22TH2	
11	2010010022	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	03/10/2002	<u>Tuyền</u>	9.2	Chín, hai	C22TH1	
12	2010120003	Phạm Thị Thúy Vi	21/11/2002	<u>Vi</u>	8.2	Tám, hai	C22TH3	
13	2010010052	Nguyễn Lê Thế Vinh	03/06/2002	<u>Vinh</u>	7	Bảy	C22TH2	
14	2010010033	Phạm Cô Hoàng Vũ	30/11/2002	<u>Vũ</u>	7	Bảy	C22TH1	
15	2010100028	Nguyễn Tuấn Vũ	24/02/2002	<u>Vũ</u>	8.4	Tám, bốn	C22TH3	
16	2010010017	Son Ngọc Như Ý	13/08/2002	<u>Ý</u>	6.8	Sáu, tám	C22TH1	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 16

Số sinh viên đạt: 16

Ngày 20 tháng 4 năm 2021

[Signature] TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]

Nguyễn Lê Phương Oanh

Ngày 19 tháng 4 năm 2021

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Hồ Hùng Tài